

MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI VỀ

HỆ THỐNG PHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN

Phạm Hồng Vân

Phó viện trưởng Viện KHTK

Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân (HTPNKTQD) do Chính phủ ban hành theo Nghị định 75/CP, ngày 27 tháng 10 năm 1993, qua gần 10 năm thực hiện nó đã khẳng định vai trò, tác dụng nhận dạng, xác định thực trạng và thúc đẩy sự phát triển tự giác của các ngành, các khu vực kinh tế theo hướng chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra. Đến nay HTPNKTQD đã được các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt sử dụng rộng rãi như là một thước đo chính thức mức độ đóng góp của các ngành đối với sự phát triển của đất nước qua số liệu thống kê. Tuy nhiên, qua thực tế sử dụng bản thân HTPNKTQD còn bộc lộ những tồn tại, đồng thời với sự phát triển của nền kinh tế thì HTPNKTQD hiện hành có một số điểm không còn phù hợp với nhu cầu đòi hỏi hiện nay. Vì lý do đó, tới đây Tổng cục Thống kê sẽ nghiên cứu sửa đổi HTPNKTQD cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội ở nước ta và các chuẩn mực kinh tế.

I. Mục đích của hệ thống ngành kinh tế

Mục đích của phân ngành kinh tế là phân loại toàn bộ hoạt động của nền kinh tế thành các ngành chuẩn, thống nhất sử dụng trong toàn quốc để làm cơ sở xác

định qui mô của từng ngành và cơ cấu của các ngành trong nền kinh tế. Tác dụng của việc này xác định bởi tầm quan trọng có tính chất chiến lược của việc hình thành một cơ cấu kinh tế hợp lý thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

II. Khái niệm ngành kinh tế

Phân ngành kinh tế là phân loại các hoạt động kinh tế xã hội có cùng đặc trưng hoạt động vào các ngành tương ứng, mà các hoạt động kinh tế xã hội đều được thực hiện bởi các đơn vị hoặc các tổ chức kinh tế xã hội khác nhau. Vì vậy, một ngành kinh tế là một tập hợp các đơn vị có đặc trưng của qui trình sản xuất giống nhau hoặc tương tự. Khái niệm ngành kinh tế sẽ đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp các đơn vị kinh tế vào các ngành gần như trùng khớp. Các đơn vị được sắp xếp vào một nhóm của hệ thống ngành kinh tế là những đơn vị sản xuất ra một loại hàng hoá và dịch vụ. Ngoài ra nó còn có khả năng sản xuất ra loại hàng hoá và dịch vụ mà nó không đặc trưng cho hoạt động chính của đơn vị. Do vậy, một ngành kinh tế không những bao gồm các đơn vị thực hiện một loại hoạt động, sản xuất ra cùng loại hàng hoá và dịch vụ mà còn bao gồm cả những đơn vị thực hiện các hoạt động thứ yếu

hoặc hoạt động phụ trợ ngoài hoạt động chính và sản phẩm của hoạt động thứ yếu bất kể chúng nhiều hay ít.

Từ thực tế này, chúng ta thấy hệ thống ngành kinh tế không đưa ra mối quan hệ tương ứng 1 - 1 giữa hoạt động và sản phẩm đầu ra của nó. Cũng vì thế sẽ không sử dụng để tổng hợp số liệu đầu ra của quá trình hoạt động sản xuất tại bất kỳ một cấp chi tiết nào của hệ thống phân ngành. Để đáp ứng nhu cầu tổng hợp đầu ra của các hoạt động kinh tế, chúng ta phải xây dựng hệ thống phân loại sản phẩm, đồng thời cũng phải đưa ra chỉ dẫn mối quan hệ giữa hệ thống phân ngành và hệ thống phân loại sản phẩm của nền kinh tế quốc dân. Và vì vậy cũng cần phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa hệ thống phân ngành kinh tế và hệ thống phân loại sản phẩm. Đối với hệ thống phân ngành kinh tế, nguyên tắc phân ngành là dựa vào đặc trưng của quá trình sản xuất như: đặc trưng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ được sản xuất ra; nguồn nguyên liệu đầu vào và công nghệ sản xuất; công dụng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ,... Còn nguyên tắc sử dụng để xây dựng hệ thống phân loại sản phẩm của nền kinh tế quốc dân chủ yếu dựa vào đặc trưng vật chất của hàng hoá hoặc tính chất của dịch vụ sản xuất ra.

Đặc điểm của hệ thống phân ngành là nó chứa đựng tất cả các đơn vị hoạt động sản xuất, không phân biệt loại hình sở hữu, tư cách pháp nhân và phương thức hoạt động, vì các tiêu thức này không liên quan đến đặc trưng của bản thân hoạt động. Các đơn vị tiến hành các hoạt động có cùng đặc trưng của quá trình sản xuất sẽ được sắp xếp vào cùng một ngành, không phân biệt người sở hữu là tư nhân hay nhà nước, doanh nghiệp có hay không bao gồm nhiều cơ sở trực thuộc, không phân biệt phương

pháp tổ chức sản xuất và trình độ sản xuất (thủ công hay hiện đại).

Hệ thống phân ngành cũng không phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động thị trường và phi thị trường, mặc dù vấn đề này rất quan trọng cần phải đề cập và phân biệt trong hệ thống Tài khoản quốc gia.

III. Nguyên tắc phân ngành

Để phục vụ cho quản lý vĩ mô và vi mô, hệ thống phân ngành được chi tiết thành 4 cấp, cấp I sử dụng hệ thống mã bằng chữ từ A đến V; ngành cấp II sử dụng mã thập phân từ 01 đến 99; ngành cấp III được mã bằng 3 chữ số từ 011 đến 999 và ngành cấp IV được mã bằng 4 chữ số từ 0111 đến 9999

a. Nguyên tắc phân ngành căn cứ vào các tiêu thức chủ yếu sau:

Quá trình hoạt động sản xuất

- Đặc trưng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ sản xuất ra

- Nguồn nguyên liệu đầu vào và qui trình công nghệ sản xuất

- Công dụng của sản phẩm hàng hoá và dịch vụ

Tùy thuộc vào các cấp khác nhau của hệ thống phân ngành có thể chọn tiêu thức phân loại cho phù hợp. Xuất phát từ sự khác nhau của quá trình sản xuất toàn bộ nền kinh tế được chia thành 20 ngành cấp I. Chúng ta có thể lý giải được rằng vì sao trước đây (Nghị định 82/CP ngày 3/6/1963) công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp là các ngành cấp I độc lập, nhưng đến Nghị định 75/CP ngày 27/10/1993 vận dụng nguyên tắc này đã tách ngành công nghiệp thành công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến. Thực vậy, quá trình hoạt động sản xuất của ngành công nghiệp khai thác là lao động của con

người sử dụng công cụ kết hợp với kỹ thuật khai thác quặng hoặc khoáng sản trong lòng đất. Đầu ra của quá trình khai thác là sản phẩm thô chưa qua chế biến chế tạo, chúng thường dùng để làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành khác. Ngược lại, đối với ngành công nghiệp chế biến, đầu vào của quá trình sản xuất là nguồn nguyên liệu thô, quá trình sản xuất là thực hiện qui trình công nghệ chế biến làm thay đổi cơ bản tính chất lý hoá học và hình dạng của nguyên vật liệu đầu vào, tạo ra sản phẩm mới có hình dạng và chất lượng cũng như công dụng khác với nguồn nguyên liệu đầu vào. Cũng từ nguyên tắc này, người ta lại ghép 2 ngành Nông nghiệp và Lâm nghiệp thành một ngành Nông, Lâm nghiệp, hai ngành này có quá trình sản xuất giống nhau là đều dựa vào quá trình biến đổi sinh học, cây và con vật phát triển và lớn lên theo qui luật thời gian nhất định.

Tiêu thức vận dụng để phân loại ngành cấp II và cấp III là dựa vào đặc trưng của sản phẩm sản xuất ra, nguồn nguyên liệu đầu vào và qui trình công nghệ sản xuất.

Quan sát 2 ngành cấp III, trồng trọt mang mã 011 và chăn nuôi mang mã 012

cho ta thấy đặc trưng sản phẩm của ngành trồng trọt là các loại cây trồng khác với sản phẩm chăn nuôi là con vật. Nguyên liệu đầu vào và qui trình công nghệ, sử dụng kỹ thuật sản xuất khác nhau. Đối với ngành chăn nuôi là chăm sóc, nuôi dưỡng con vật (sử dụng thức ăn gia súc và các điều kiện khác) còn ngành trồng trọt là chăm bón cây trồng (sử dụng phân bón và các chất khác). Một ví dụ khác của ngành công nghiệp chế biến: ngành cấp II mang mã 15 - sản xuất thực phẩm và đồ uống, ngành cấp hai mang mã 18 - sản xuất trang phục, thuộc và nhuộm da, lông thú. Rõ ràng hai ngành này có qui trình công nghệ, nguyên liệu đầu vào, cũng như sản phẩm đầu ra khác nhau và công dụng cũng hoàn toàn khác nhau.

Đối với ngành cấp IV, chủ yếu dựa vào công dụng của sản phẩm và dịch vụ sản xuất ra. Các đơn vị cơ sở thực hiện hoạt động sản xuất ra cùng loại sản phẩm hàng hoá và dịch vụ được phân vào nhóm ngành cấp IV của hệ thống phân ngành. Tuy nhiên, trong thực tế có một vài trường hợp đặc biệt có thể sử dụng nguyên tắc nguồn nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất.

Còn nữa